

Số: 20/2026/QĐST-VHNGĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06/4/2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con” giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vương Trung K, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Tuyên Quang.
- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn L, xã V, tỉnh Tuyên Quang;
Tạm trú: Tổ dân phố C, phường V, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Trung K và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang), được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc cùng gia đình cho đến khoảng năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Việc anh chị có bất đồng hai bên gia đình đều biết, đã phân tích hoà giải cho anh chị hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị N đã ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Anh K và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh K, chị N được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Vương Trung K và chị Nguyễn Thị N xác định quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Vương Quỳnh N1, sinh ngày 21/7/2009; Vương Quỳnh T, sinh ngày 04/8/2014. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn chị N sẽ trực tiếp nuôi

dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

[4] Về vấn đề khác: Không có.

[5] Về lệ phí: Anh Vương Trung K và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vương Trung K và chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đều thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Vương Trung K và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Vương Quỳnh N1, sinh ngày 21/7/2009; Vương Quỳnh T, sinh ngày 04/8/2014. Anh K, chị N thỏa thuận:

Giao cả hai con chung Vương Quỳnh N1, Vương Quỳnh T cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung:* Không có.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vương Trung K và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001349 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 2 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Vị Xuyên (xã Đạo Đức cũ), tỉnh Tuyên Quang;
(ĐKKH số 30 ngày 06/4/2009);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

THÂM PHÁN

Tạ Thị Dung